|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH****ĐỀ CHÍNH THỨC**(Đề có 4 trang) | **KIỂM TRA GIỮA KỲ 2** **NĂM HỌC 2022-2023****Bài kiểm tra môn: SINH HỌC 12 - KHXH****Thời gian làm bài: 45 phút****MÃ ĐỀ: 216** |

|  |
| --- |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1:** Hình thành loài mới bằng cách li sinh thái thường gặp ở những đối tượng

**A**. Thực vật **B.** Thực vật và động vật có khả năng di chuyển xa

**C.** Động vật **D.** Thực vật và động vật ít có khả năng di chuyển

**Câu 2:** Hình thành loài bằng phương thức nào xảy ra nhanh nhất?

**A.** Lai xa và đa bội hoá **B.** Cách li sinh thái **C.** cách li tập tính **D.** Cách li địa lí

**Câu 3:** Khi nói về quá trình hình thành loài mới, những phát biểu nào sau đây là đúng?

(1). Cách li tập tính và cách li sinh thái có thể dẫn đến hình thành loài mới

(2). Cách li địa lí sẽ tạo ra các kiểu gen mới trong quần thể dẫn đến hình thành loài mới

(3). Cách li địa lí luôn dẫn đến hình thành loài mới

(4). Hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa thường gặp ở động vật

(5). Hình thành loài bằng cách li địa lí xảy ra một cách chậm chạp, qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp

(6). Cách li địa lí luôn dẫn đến hình thành cách li sinh sản

 **A.** 1, 5 **B.** 2, 4   **C.** 3, 4   **D.** 3, 5

**Câu 4:** Tiến hoá hoá học là quá trình

**A.** Xuất hiện các enzim.

**B.** Xuất hiện cơ chế tự sao.

**C.** Tổng hợp các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức hoá học.

**D.** Hình thành các giọt côaxecva.

**Câu 5:** Kết quả của tiến hóa tiền sinh học là:

**A.** Hình thành tế bào sơ khai **B.** Hình thành chất hữu cơ phức tạp

**C.** Hình thành sinh vật đa bào **D.** Hình thành hệ sinh vật đa dạng phong phú như hôm nay

**Câu 6:** Trình tự các giai đoạn của tiến hoá:

**A.** Tiến hoá hoá học – tiến hoá sinh học- tiến hoá tiền sinh học

**B.** Tiến hoá hoá học – tiến hoá tiền sinh học- tiến hoá sinh học

**C.** Tiến hoá tiền sinh học- tiến hoá hoá học – tiến hoá sinh học

**D.** Tiến hoá hoá học – tiến hoá tiền sinh học

**Câu 7:** Giai đoạn từ khi sự sống xuất hiện và phát triển cho đến ngày nay được gọi là

**A.** Tiến hóa hóa học **B.** Tiến hóa xã hội

**C.** Tiến hóa sinh học **D.** Tiến hóa tiền sinh học

**Câu 8:** Dựa vào những biến đổi về địa chất, khí hậu, sinh vật, người ta chia lịch sử Trái Đất thành các đại theo thời gian từ trước đến nay là

**A.** Đại Thái cổ, đại Nguyên sinh, đại Trung sinh, đại Cổ sinh, đại Tân sinh

**B.** Đại Thái cổ, đại Cổ sinh, đại Trung sinh, đại Nguyên sinh, đại Tân sinh.

**C.** Đại Cổ sinh, đại Nguyên sinh, đại Thái cổ, đại Trung sinh, đại Tân sinh.

**D.** Đại Thái cổ, đại Nguyên sinh, đại Cổ sinh, đại Trung sinh, đại Tân sinh.

**Câu 9:** Trong lịch sử phát triển của thế giới sinh vật, ở kỉ nào sau đây dương xỉ phát triển mạnh, thực vật có hạt xuất hiện, lưỡng cư ngự trị, phát sinh bò sát?

**A.** Kỉ Cacbon **B.** Kỉ Pecmi **C.** Kỉ Đêvôn **D.** Kỉ Triat

**Câu 10:** Trường hợp nào sau đây **không** phải là hóa thạch?

**A.** Than đá có vết lá dương xỉ

**B.** Dấu chân khủng long trên than bùn

**C.** Mũi tên đồng, trống đồng Đông sơn

**D.** Xác côn trùng trong hổ phách hàng nghìn năm

**Câu 11:** Người có quan hệ họ hàng gần nhất với loài

**A.** Gôrila **B.** Vượn Gibbon **C.** Khỉ **D.** Tinh tinh

**Câu 12:** Trường hợp nào dưới đây là cơ quan tương đồng?

**A.** Cánh dơi và tay người**B.** Ngà voi và sừng tê giác

**C.** Vòi voi và vòi bạch tuộc  **D.** Đuôi cá mập và đuôi cá voi

**Câu 13:** Trong tiến hóa, các cơ quan tương tự có ý nghĩa phản ánh

**A.** Sự tiến hóa phân li **B.** Sự tiến hóa đồng quy

**C.** Sự tiến hóa song hành **D.** Nguồn gốc chung giữa các loài

**Câu 14:** Khi nói về bằng chứng sinh học phân tử, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Sự tương đồng về nhiều đặc điểm ở cấp độ phân tử và tế bào cũng cho thấy các loài trên Trái Đất đều có chung tổ tiên.

**B.** Những loài có quan hệ họ hàng càng gần thì trình tự các axit amin trong phân tử protein hay trình tự các nucleotit trong các gen tương ứng càng có xu hướng giống nhau và ngược lại.

**C.** Phân tích trình tự các axit amin của các loại protein hay trình tự các nucleotit của các gen khác nhau ở các loài có thể cho ta biết mối quan hệ họ hàng giữa các loài

**D.** Các tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một loại mã di truyền, đều dùng cùng 20 loại axit amin để cấu tạo nên protein … chứng tỏ chúng tiến hóa từ một tổ tiên chung.

**Câu 15:** Theo quan niệm của Đacuyn, đối tượng của chọn lọc tự nhiên là

 **A.** Cá thể **B.** Quần thể **C.** Quần xã **D.** Loài

**Câu 16:**Động lực của chọn lọc nhân tạo là:

**A.** Nguồn biến dị đa dạng, phong phú của sinh vật.

**B.** Khả năng tạo giống mới của con người.

**C.** Lợi ích kinh tế do sinh vật đem lại.

**D.** Nhu cầu thị hiếu phức tạp và luôn thay đổi của con người.

**Câu 17:** Theo Đacuyn, nguồn nguyên liệu của chọn giống và tiến hóa là

**A.** Các biến dị cá thể phát sinh trong quá trình sinh sản theo những hướng không xác định

**B.** Biến dị di truyền

**C.** Những biến đổi do tập quán hoạt động

**D.** Những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác dụng trực tiếp của điều kiện sống.

**Câu 18:** Động lực thúc đẩy CLTN theo học thuyết Đacuyn là:

**A.** Sự không thống nhất của điều kiện môi trường

**B.** Nhu cầu thị hiếu phức tạp luôn luôn thay đổi của con người

**C.** Sự cố gắng vươn lên để tự hoàn thiện của mỗi loài

**D.** Đấu tranh sinh tồn

**Câu 19:** Theo Đacuyn, nguyên nhân làm cho sinh giới ngày càng đa dạng, phong phú là:

**A.** Tác động của chọn lọc tự nhiên thông qua hai đặc tính là biến dị và di truyền.

**B.** các biến dị cá thể và các biến đổi đồng loạt trên cơ thể sinh vật đều di truyền được cho các thế hệ sau.

**C.** điều kiện ngoại cảnh không ngừng biến đổi nên sự xuất hiện các biến dị ở sinh vật ngày càng nhiều.

**D.** sự tác động của chọn lọc tự nhiên lên cơ thể sinh vật ngày càng ít.

**Câu 20:** Quá trình tiến hóa lớn nghiên cứu về:

**A.** Mối quan hệ họ hàng giữa các loài.

**B.** Sinh vật vô cùng đa dạng và phong phú.

**C.** Hình thành phân loại trên loài.

**D.** Biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

**Câu 21:** Theo quan niệm hiện nay điều kiện ngoại cảnh có vai trò:

**A.** Nhân tố làm phát sinh các biến dị di truyền

**B.** Vừa là các nhân tố phát sinh đột biến, vừa là môi trường của chọn lọc tự nhiên

**C.** Nguyên nhân chính làm các loài biến đổi dần dà và liên tục.

**D.** Nhân tố chính của quá trình chọn lọc tự nhiên

**Câu 22:** Trong lịch sử phát triển sự sống trên Trái Đất, thú và chim xuất hiện đầu tiên ở:

**A.** Kỉ Jura thuộc đại Trung sinh. **B.** Kỉ Phấn trắng thuộc đại Trung sinh.

**C.** Kỉ Tam điệp thuộc đại Trung sinh. **D.** Kỉ Thứ ba thuộc đại Tân sinh.

**Câu 23:** Đặc điểm bàn tay năm ngón đã xuất hiện cách đây :

**A.** 3 triệu năm **B.** 30 triệu năm **C.** 130 triệu năm  **D.** 300 triệu năm

**Câu 24:** Khi nói về sự phát sinh loài người, điều nào sau đây **không** đúng?

**A.** Loài người xuất hiện vào đầu kỉ đệ tứ ở đại tân sinh.

**B.** Vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.

**C.** Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến hóa từ vượn người thành người.

**D.** Có sự tiến hóa văn hóa trong xã hội loài người.

**Câu 25:** Yếu tố quan trọng nhất trong việc làm cho loài người thoát khỏi trình độ động vật là:

**A.** Lao động **B.** Chuyển từ đời sống leo trèo xuống mặt đất

**C.** Sử dụng lửa **D.** Biết sử dụng công cụ lao động

**Câu 26:** Những điểm khác nhau giữa người và vượn người chứng minh?

**A.** Tuy phát sinh từ 1 nguồn gốc chung nhưng người và vượn người tiến hoá theo 2 hướng khác nhau.

**B.** Người và vượn người không có quan hệ nguồn gốc.

**C.** Vượn người ngày nay không phải là tổ tiên của loài người.

**D.** Người và vượn người có quan hệ gần gũi.

**Câu 27:** Nhân tố tiến hoá nào làm nghèo vốn gen của quần thể (chọn câu đúng nhất)

**A.** Chọn lọc tự nhiên, yếu tố ngẫu nhiên và giao phối không ngẫu nhiên.

**B.** Di gen, yếu tố ngẫu nhiên và giao phối không ngẫu nhiên.

**C.** Đột biến, CLTN, di- nhập gen, yếu tố ngẫu nhiên.

**D.** Yếu tố ngẫu nhiên, di - nhập gen, giao phối không ngẫu nhiên.

**Câu 28:** Giao phối ngẫu nhiên ***không được xem*** là nhân tố tiến hóa vì

**A.** Không làm thay đổi tần số tương đối alen và thành phần kiểu gen của quần thể

**B.** Tạo ra biến dị tổ hợp cung cấp nguồn nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa.

**C.** Giúp phát tán đột biến trong quần thể.

**D.** Làm trung hòa tính có hại của đột biến, giúp alen lặn có hại được tồn tại trong quần thể.

**Câu 29:** Khi nói về đại Tân sinh, có bao nhiêu nhận định sau đây **không** đúng?

(1) Cây hạt kín, chim, thú và côn trùng phát triển mạnh ở đại này.

(2) Được chia thành 2 kỉ, trong đó loài người xuất hiện vào kỉ Đệ tứ.

(3) Phân hóa các lớp Chim, Thú, Côn trùng.

(4) Ở kỉ Đệ tam, bò sát và cây hạt trần phát triển ưu thế.

**A.** 1  **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 30:** Các nhân tố chủ yếu chi phối quá trình hình thành các đặc điểm thích nghi ở cơ thể sinh vật trong thuyết tiến hóa nhỏ là:

**A.** Đột biến, giao phối và các cơ chế cách li

**B.** Đột biến, biến động di truyền và chọn lọc tự nhiên

**C.** Đột biến, giao phối và chọn lọc tự nhiên

**D.** Quá trình giao phối, đột biến và biến động di truyền

**Câu 31:** Câu nào sau đây đúng?

**A.** Đột biến là nguồn nguyên liệu thứ cấp của CLTN.

**B.** CLTN là nhân tố định hướng cho quá trình tiến hóa

**C.** Biến dị tổ hợp là nguồn nguyên liệu sơ cấp của CLTN.

**D.** Đột biến không phải là nguồn nguyên liệu của tiến hóa.

**Câu 32:** Các nhân tố tiến hóa làm thay đổi tần số alen **không theo** một hướng xác định là:

(1) Đột biến (2) Giao phối không ngẫu nhiên (3) CLTN (4)Yếu tố ngẫu nhiên (5)Di – nhập gen.

**A.** (1), (3) và (5) **B.** (1), (2) và (5) **C.** (1), (2), (4) và (5) **D.** (1), (4) và (5)

**Câu 33:** Trong quá trình hình thành đặc điểm thích nghi, vai trò cung cấp nguyên liệu sơ cấp là

**A.** Chọn lọc tự nhiên **B.** Cách li. **C.** Yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Đột biến.

**Câu 34:** Quá trình hình thành quần thể thích nghi diễn ra nhanh hay chậm **không** phụ thuộc vào các yếu tố nào dưới đây?

**A.** Áp lực của CLTN **B.** Nguồn dinh dưỡng ở khu phân bố của quần thể

**C.** Tốc độ sinh sản của loài **D.** Quá trình phát sinh và tích luỹ các gen đột biến ở mỗi loài

**Câu 35:** Các cá thể khác loài có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên không thể giao phối với nhau. Đó là dạng cách li:

**A.** Tập tính  **B.** Cơ học **C.** Trước hợp tử **D.** Sau hợp tử

**Câu 36:** Lừa lai với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản. Hiện tượng này biểu hiện cho

**A.** Cách li trước hợp tử. **B.** Cách li tập tính. **C.** Cách li sau hợp tử. **D.** Cách li mùa vụ.

**Câu 37:** Cách li trước hợp tử gồm:

(1) Cách li không gian (2) Cách li cơ học (3) Cách li tập tính

(4) Cách li khoảng cách (5) Cách li sinh thái (6) Cách li thời gian.

 Phát biểu đúng là:

**A.** 1, 2, 3, 6 **B.** 2, 3, 4, 6 **C.** 2, 3, 5, 6 **D.** 1, 2, 4, 6

**Câu 38:** Phương thức hình thành loài mới theo con đường địa lí thường gặp nhất ở đối tượng là

**A.** Động vật phát tán mạnh **B.** Thực vật không phát tán

**C.** Động vật ít di động**D.** Sinh vật nhân sơ

**Câu 39:** Vai trò của CLTN trong quá trình hình thành loài mới bằng con đường địa lí là

**A.** Tích lũy những biến dị có lợi và đào thải những biến dị có hại, dần dần hình thành nòi mới.

**B.** Tích lũy những đột biến và biến dị tổ hợp theo những hướng thích nghi khác nhau, dần dần tạo thành nòi địa lí rồi tới các loài mới.

**C.** Nhân tố gây ra sự phân li tính trạng tạo ra nhiều nòi mới

**D.** Nhân tố gây ra sự biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật

**Câu 40:** Phát biểu nào dưới đây nói về vai trò của cách li địa trong quá trình hình thành loài là đúng nhất?

**A.** Môi trường địa lí khác nhau là nguyên nhân chính làm phân hoá thành phần kiểu gen của quần thể

**B.** Cách li địa lí luôn luôn dẫn đến cách li sinh sản

**C.** Cách li địa lí có thể dẫn đến hình thành loài mới qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp

**D.** Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới

------HẾT------

*(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm, thí sinh không được sử dụng tài liệu)*